

REVIEW 1

SKILLS

- secondary school	(n): trường cấp hai
- water	(v): tưới nước
- tell-told-told	(v): nói, kể , bảo
- interview	(v): phỏng vấn
- classmate	(n) : bạn cùng lớp
- schoolmate	(n) : bạn học
- report	(v) : tường thuật, báo cáo
- reason	(n) : lí do
- fill	(v): điền vào, lấp kín
- plant	(n): thực vật, cây trồng
- sleep-slept-slept	(v): ngủ